

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1205/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2017

V/v: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Phạm Thị Ngọc;
 2. Ông Nguyễn Ngọc Long.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương,
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Ngọc Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 594/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 296/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa:

*Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 21/26 đường 570, tổ 3, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Chí L có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Bà Dương Thị Mỹ H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 21/26 đường 570, tổ 3, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Dương Thị Mỹ H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 05/5/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Chí L trình bày sự việc như sau:

Ông (Nguyễn Chí L) và bà Dương Thị Mỹ H tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2000, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng càng về sau đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, làm cho gia đình mất hạnh phúc.

Hiện vợ chồng ông không còn sự yêu thương, quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì chỉ gây cho nhau sự đau khổ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông quyết định ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 10/11/2001 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 19/12/2006. Các con chung đang sống chung với bà H. Ông đồng ý các con sẽ tiếp tục chung sống với bà H, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Chí L tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Thị Thùy D mỗi tháng là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 4/2018 cho đến khi trẻ D đủ 18 tuổi. Còn trẻ Nguyễn Thị Anh T hiện nay đã đi làm, có thu nhập. Bản thân ông thì ở nhà trọ, cuộc sống hết sức khó khăn. Lương của ông mỗi tháng khoảng 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) nhưng ông còn phải trả nợ, trả tiền thuê nhà trọ, còn lại khoảng 1.000.000đ (một triệu đồng) để ông lo chi phí ăn uống, đi lại. Ông ra ở nhà trọ và để lại nhà cửa cho bà H và 02 con ở.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/6/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải ngày 13/6/2017 và ngày 22/6/2017, bà Dương Thị Mỹ H trình bày sự việc như sau:

Bà và ông Nguyễn Chí L tự nguyện sống chung như vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, mâu thuẫn xảy ra thời gian gần đây do ông L có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ lúc đó, ông L xao lãng việc gia đình, không quan tâm con cái. Bà còn thương chồng, không làm gì sai với chồng nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 10/11/2001 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 19/12/2006. Các con đang sống chung với bà H.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, bà H đồng ý ly hôn. Bà đồng ý tiếp tục nuôi 02 con chung là trẻ T và trẻ D. Bà H đồng ý việc ông L cấp dưỡng nuôi trẻ D mỗi tháng là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 4/2018 cho đến khi trẻ D đủ 18 tuổi. Còn trẻ T hiện nay đã đi làm, có thu nhập nên bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà H; giao bà H tiếp tục nuôi dưỡng 02 trẻ Nguyễn Thị Anh T và Nguyễn Thị Thùy D; về tài sản chung và nghĩa vụ chung: tự thỏa thuận nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về mối quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Chí L về việc xin ly hôn bà Dương Thị Mỹ H, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà H đều thống nhất khai rằng ông L và bà H tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2000, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Do vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà H.

- Về con chung:

Ông L và bà H có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 10/11/2001 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 19/12/2006. Các con đang sống chung với bà H.

Ông L và bà H thống nhất với nhau như sau: Bà H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Thùy D mỗi tháng là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 4/2018 cho đến khi trẻ D đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi trẻ Anh T.

- Về tài sản chung:

Các đương sự tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Các đương sự khai không có nghĩa vụ dân sự chung nên Hội đồng xét xử không xét.

* Về án phí:

Ông L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Khoản 2 Điều 53; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Chí L và bà Dương Thị Mỹ H.

2. Về con chung:

Bà H được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 10/11/2001 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 19/12/2006.

Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Thị Thùy D mỗi tháng là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 4/2018 cho đến khi trẻ D đủ 18 tuổi.

Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con trẻ Nguyễn Thị Anh T.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L được quyền thăm con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung:

Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung:

Các đương sự khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

5. Về án phí:

Ông L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà ông L đã nộp theo biên lai số 0006674 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông L còn phải nộp bổ sung 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục thi hành án dân sự Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương